

Bản án số: 27/2023/KDTM-ST

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 07-5-2024;

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quản Văn Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Hoàng Thị Xuân Hương;**
Ông Lê Bá Lung.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 94/2023/TLST-KDTM ngày 13/10/2023, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70 ngày 28 tháng 3 năm 202; Quyết định hoãn phiên tòa số 80 ngày 17/4/2024; giữa:

- Nguyên đơn: **Tổng công ty G**; Trụ sở: 25A **phố L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội**; Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Việt Đ** - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lại Anh V**, ông **Trịnh Văn T**, bà **Mai Bích N**, ông **Vũ Tuấn L**; Địa chỉ: **Tầng E, tòa nhà H, số A N Kon Tum, phường N, quận T, thành phố Hà Nội**. Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần K**; Trụ sở: **Số F L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Gia H** - Tổng giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 19/04/2007, **Tổng Công ty G** - Chi nhánh **Công ty G1** ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 200A/HĐMB-GSD với **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, **Tổng công ty G** bán cho **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20 gỗ dán công nghiệp phủ keo hai mặt và gỗ dán công nghiệp phủ phim hai mặt.

Việc thanh toán: Theo thỏa thuận trong hợp đồng bị đơn sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của từng đơn hàng cho nguyên đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hàng.

Sau khi ký hợp đồng, **Tổng công ty G** đã giao đầy đủ, đúng số lượng, chất lượng hàng hóa cho **Công ty K** và Xây dựng 20. Tổng số Nguyên đơn đã giao 08 chuyến xe gô các loại với tổng trị giá thành tiền là 244.657.820 đồng; Bị đơn đã trả số tiền 169.000.000 đồng, còn nợ là 75.697.820 đồng. Hai bên không có khiếu nại, thắc mắc gì liên quan đến quá trình sản xuất, số lượng, chất lượng hàng hóa đã giao cho nhau.

Khi **Công ty K** và Xây dựng 20 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty G đã đơn đốc, yêu cầu thanh toán nhưng **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 01/11/2021 **Tổng Công ty G** - Chi nhánh **Công ty G1** đã gửi văn bản về việc xác nhận số dư nợ với **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20. Ngày chốt nợ gần nhất vào ngày 30/8/2023, **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20 xác nhận còn nợ **Tổng công ty G** số tiền (chưa bao gồm tiền lãi trả chậm) là 75.657.820 đồng.

* Tại phiên tòa:

Tổng công ty G đề nghị Tòa án tuyên buộc **Công ty K** nền móng và Xây dựng 20 thanh toán trả **Tổng công ty G** số tiền tính đến ngày 26/01/2024 là 120.948.871 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi một đồng) trong đó: Nợ gốc: 75.657.820 đồng; Nợ lãi (chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 26/01/2024) là 45.291.051 đồng; Buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi tất toán khoản vay nêu trên; Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn được triệu tập nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết: Tại Điều 11 của hợp đồng nguyên tắc các bên thống nhất "... trường hợp các bên không thương lượng giải quyết được thì một trong các bên được quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam". **Công ty Cổ phần K**; Trụ sở: **Số F L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội**; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán tiền xuất phát từ việc bên bán sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm theo yêu cầu của bên mua; Hai bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 3, Điều 24 Luật thương mại, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Thời hiệu khởi kiện: Hai bên vẫn tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ; vụ án trong thời hiệu giải quyết.

- Thành viên Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa bà **Hoàn Thị Xuân H1** tiến hành tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng mua bán số 200A/HĐMB-GSD ngày 19/4/2007:

Theo hợp đồng, các bên thống nhất: Bên mua đặt các loại sản phẩm, bên bán sản xuất và bán sản phẩm đó cho bên mua theo quy cách, mẫu mã thiết kế, đặc điểm kỹ thuật, chất lượng sản phẩm.

Hội đồng xét xử nhận định: Hình thức của hợp đồng được lập và ký bằng văn bản; Chủ thể ký hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai doanh nghiệp; Nội dung của hợp đồng được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, đối tượng mua bán phù hợp ngành nghề kinh doanh được cấp phép, phù hợp pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên không thắc mắc, không khiếu nại gì. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự; Điều 24 Luật Thương mại xác định các thoả thuận trong hợp đồng có hiệu lực, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong các hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc:

Căn cứ các Hợp đồng nguyên tắc, các Biên bản đối chiếu công nợ định kỳ và gần nhất là ngày 30/8/2023 **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 xác nhận tại thời điểm 30/8/2023 còn nợ **Tổng công ty G** số tiền nợ gốc 75.657.820 đồng (chưa bao gồm lãi trả chậm).

Xét thấy: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; các Biên bản đối chiếu công nợ; Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn có đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ xác nhận hiện **Công ty Cổ phần K** và xây dựng 20 còn nợ **Tổng công ty G** số tiền 75.657.820 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, đã hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng; do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật. Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự, Điều 34, Điều 35 và Điều 50 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc, buộc **Công ty Cổ phần K** và xây dựng 20 số tiền nợ gốc 75.657.820 đồng.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán lãi đối với số tiền nợ gốc:

- Tại Điều 4 của các Hợp đồng mua bán số 200A/HĐMB- GSD ngày 19/4/2007, các bên thống nhất thỏa thuận về phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của từng đơn hàng cho bên bán không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hàng.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán của hợp đồng mà bị đơn vẫn chưa thanh toán hết số tiền hàng cho bên bán thì bên mua phải chịu lãi suất nợ quá hạn cho số dư nợ với lãi xuất của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.**

Nhận thấy: Các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các thỏa thuận đó. Người đại diện theo pháp luật của hai doanh nghiệp đã thống nhất ký Biên bản đối chiếu công nợ kèm bảng đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ định kỳ.

- Về mức lãi suất: **Tổng công ty G** yêu cầu **Công ty Cổ phần K** và nền móng xây dựng 20 trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với lãi suất quá hạn là 10%/năm;

Xét thấy: Lãi suất quá hạn 10%/năm là phù hợp với mức lãi suất quá hạn đối với lãi suất cho vay kỳ hạn 06 tháng của **Ngân hàng TMCP Q** công bố tại thời điểm xét xử, và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 357, 440 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 trả **Tổng công ty G** số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trên số nợ gốc tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/5/2024 là 47.405.324 đồng.

Từ những nhận định trên, buộc **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 trả **Tổng công ty G** tổng cộng số tiền 123.063.144 đồng, gồm nợ gốc 75.657.820 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/5/2024 là 47.405.324 đồng.

* Về án phí: **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;
- Điều 401, Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.
- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của **Tổng công ty G** khởi kiện đối với **Công ty Cổ phần K.**

2. Xác nhận **Công ty Cổ phần K** nợ và buộc **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 trả **Tổng công ty G** tổng cộng số tiền 123.063.144 đồng (một trăm hai mươi ba triệu

không trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng), gồm nợ gốc 75.657.820 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi đồng) và nợ lãi tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/5/2024 là 47.405.324 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm không lăm nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: **Tổng công ty G** không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả **Tổng công ty G** số tiền tạm ứng án phí 1.890.000 đồng (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002774 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. **Công ty Cổ phần K** và Xây dựng 20 phải chịu 6.153.157 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

Tổng công ty G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Công ty cổ phần K** và Xây dựng 20 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quản Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Quản Văn Tiến

